

KẾ HOẠCH

Kiểm tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

Căn cứ: Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg*); văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo (*Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường*);

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo định kỳ giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;

Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch kiểm tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn được phân công phụ trách tại phụ lục kèm theo Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tăng cường kiểm tra trực tiếp tại cấp xã về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo thực hiện đúng quy trình và tiến độ theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh, phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong quá trình thực hiện.

- Việc kiểm tra quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải đảm bảo thực hiện từ cấp xã và trực tiếp đối với hộ gia đình, đảm bảo công khai, minh bạch; phỏng vấn trực tiếp hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ phát sinh mới, thu thập thông tin hộ gia đình về tài sản sinh hoạt.

II. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

Tình hình và kết quả thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025 và các văn bản hướng dẫn. Cụ thể:

a) Kiểm tra công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện; Kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn;

- Quyết định thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát; phân công thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách các thôn; tổ chức lực lượng rà soát, công tác tuyên truyền,...;

- Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã;

- Công tác phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo.

b) Kiểm tra Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Tổ chức rà soát nhận dạng nhanh (Phiếu A).

- Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Tổ chức rà soát, thu nhập thông tin, phân loại hộ gia đình (Phiếu B).

- Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát: Thành phần tham dự cuộc họp, nội dung cuộc họp (*Biên bản họp dân thống nhất kết quả rà soát*).

- Niêm yết, thông báo công khai.

- Việc lấy ý kiến của cấp xã và trả lời của cấp tỉnh về kết quả sau rà soát;

- Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo...

c) Hồ sơ, văn bản quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

d) Giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (*nếu có*).

đ) Công tác phối hợp giữa chính quyền với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương trong công tác rà soát, giám sát (báo cáo giám sát).

e) Công tác kiểm tra, phúc tra thực tế tại các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo từng thôn, tổ dân phố tại địa phương.

f) Các nội dung liên quan khác đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Hình thức

Kiểm tra thực tế của cấp xã về công tác tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 tại 10 xã, phường; phỏng vấn, thu thập thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo từ 5 đến 7 hộ gia đình/xã, phường đã được rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo (*Đoàn kiểm tra chọn hộ ngẫu nhiên*).

2. Thành phần, thời gian, địa điểm.

a) Thành phần đoàn

- Trưởng đoàn: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Phó Trưởng đoàn: Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn.
- Lãnh đạo, chuyên viên Phòng Nông thôn mới và Giảm nghèo và các Phòng chuyên môn có liên quan thuộc Chi cục Phát triển nông thôn.

b) Thời gian: Tháng 11 năm 2025, hoàn thành trước ngày 15/11/2025.

c) Địa điểm: Tại các xã, phường¹ được phân công cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

(Thời gian, địa điểm kiểm tra cụ thể sẽ có thông báo sau).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí được bố trí trong Tiểu dự án 2-Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 đã giao cho Chi cục Phát triển nông thôn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chi cục Phát triển nông thôn

- Chủ động xây dựng nội dung, lịch trình, thời gian cụ thể để thực hiện; chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.
- Căn cứ vào các nội dung được giao, Chi cục Phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương được kiểm tra để chuẩn bị các nội dung liên quan.
- Báo cáo kết quả bằng văn bản sau khi kết thúc các đợt kiểm tra.

2. UBND các xã, phường được kiểm tra⁽¹⁾

- Hoàn thành công tác kiểm tra rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 tại địa phương đúng thời gian quy định tại Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (*báo cáo sơ bộ về Sở Nông nghiệp và*

¹ Các xã, phường: Phường Trà Câu, xã Nguyễn Nghiêm, phường Đức Phổ, xã Khánh Cường, phường Sa Huỳnh, xã Tư Nghĩa, xã Vệ Giang, xã Nghĩa Giang, xã Trà Giang, xã Minh Long, xã Sơn Mai, xã Măng Đen, xã Măng Bút, xã Kon Plông, xã Sa Thầy, xã Sa Bình, xã Ya Ly, xã Rờ Koi, xã Mô Rai.

Môi trường ngày 01/11/2025);

- Xây dựng báo cáo theo đề cương kèm theo, hồ sơ liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và chuẩn bị đầy đủ các nội dung phục vụ Đoàn kiểm tra;

- Cử thành viên Ban Chỉ đạo rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã tham gia cùng Đoàn kiểm tra;

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường phối hợp triển khai thực hiện, đảm bảo Kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- GD, PGD Sở (p/t);
- Chi cục Phát triển nông thôn;
- UBND các xã, phường²;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

A Byot

² Phường Trà Câu, xã Nguyễn Nghiêm, phường Đức Phổ, xã Khánh Cường, phường Sa Huỳnh, xã Tư Nghĩa, xã Vệ Giang, xã Nghĩa Giang, xã Trà Giang, xã Minh Long, xã Sơn Mai, xã Măng Đen, xã Măng Bút, xã Kon Plông, xã Sa Thầy, xã Sa Bình, xã Ya Ly, xã Rờ Koi, xã Mô Rai.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày /9/2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường*

I. Tổ chức triển khai tại địa phương

1. Công tác chỉ đạo điều hành:

- Quyết định thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát;
- Phân công thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách các xã, phường;
- Tổ chức lực lượng rà soát;
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo, Mặt các cấp.
- Công tác rà soát mẫu, kiểm tra chéo
- ...

(các nội dung trên kèm theo các văn bản theo Phụ lục đính kèm)

2. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ

- Tham gia các lớp tập huấn do tỉnh tổ chức.....
- Tổ chức triển khai, tập huấn, phổ biến thành viên BCD, điều tra viên, cán bộ thôn/tổ.....

(ghi rõ thời gian tổ chức, số người tham gia, thành phần tham gia)

3. Công tác tuyên truyền, vận động

- Nội dung truyền thông....., để người dân hiểu mục đích ý nghĩa xác định hộ nghèo, cận nghèo, kế hoạch rà soát hộ nghèo, vận động người dân phối hợp, cung cấp thông tin trung thực.....
- Các hình thức truyền thông tại địa phương: Loa truyền thanh, họp thôn/tổ dân phố,

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

1. Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Kết quả lập danh sách hộ cần rà soát

- Số hộ đăng ký rà soát Phiếu A:....., số hộ sau khi rà soát Phiếu A được đưa vào rà soát Phiếu B:.....; số hộ không thuộc diện đưa vào danh sách rà soát Phiếu B.

- Số hộ nghèo, cận nghèo (đang quản lý) được đưa vào danh sách rà soát Phiếu B:.....

- Tổng số hộ được rà soát Phiếu B:.....; Trong đó, số hộ nghèo, số hộ cận nghèo; số hộ không nghèo, cận nghèo (hộ thuộc rà soát

Phiếu A)

Cụ thể số liệu theo thôn, tổ dân phố đối với cấp xã.

b) Số hộ sau rà soát

- Tổng số hộ nghèo, số hộ cận nghèo
- Số hộ thoát nghèo, số hộ thoát cận nghèo

Cụ thể số liệu các xã theo thôn, tổ dân phố (theo mẫu biểu số 05, 06, 07 kèm theo Công văn 1631/SNNMT-PTNT ngày 11/08/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

3. Tình hình và kết quả thực hiện các quy định về công tác rà soát

- Tiến độ thực hiện (đang thực hiện ở bước nào theo trình rà soát): Nhận dạng nhanh Phiếu A; Lập danh sách hộ cần gia soát; thu thập thông tin, tính điểm B1, B2; họp thôn; niêm yết, công khai; lấy kiến cấp tỉnh; phê duyệt kết quả...

- Cụ thể kết quả đã thực hiện nội dung trong các bước theo quy trình rà soát, trong đó lưu ý kết quả nội dung về công tác nghiệm thu phiếu, làm sạch phiếu và công tác kiểm tra, phúc tra đối BCD với từng thôn, tổ dân phố.

- Dự kiến tiến độ thực hiện theo kế hoạch đã đề ra

- Kết quả lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý đối tượng, tổng hợp báo cáo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

2. Tồn tại, khó khăn

3. Nguyên nhân

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ